

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CÀ MAU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CÀ MAU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CO. M.S.P.

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8,
Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Nguyên Khánh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên
Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Huỳnh Văn Út	Trưởng ban
Ông Đặng Chiến Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Luận	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Nguyên Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Tân Hoài	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8,
Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



BÙI NGUYỄN KHÁNH

Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 02 tháng 03 năm 2017

Số: 17.365HN/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 02 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính vấn đề sau: Như được trình bày tại thuyết minh mục 2.2 của thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 tổng nợ phải trả ngắn hạn của Tập đoàn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 134,3 tỷ đồng. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

KIỂM TOÁN GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2017



HUỲNH THỊ NGỌC TRINH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2124-2016-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		200.000.709.732	220.660.284.971
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	8.784.277.347	4.236.948.460
1. Tiền	111		8.784.277.347	4.236.948.460
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	(5.2)	2.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.656.874.048	44.571.537.963
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	33.728.557.955	38.758.958.611
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.4)	1.742.491.231	3.106.151.717
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.5)	3.344.476.901	3.804.079.674
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.6)	(1.158.652.039)	(1.097.652.039)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.7)	147.628.526.627	169.611.029.422
1. Hàng tồn kho	141		147.628.526.627	169.611.029.422
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.931.031.709	2.240.769.126
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.11)	551.983.377	434.276.890
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	(5.13)	3.379.048.332	1.794.230.086
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.13)		12.262.150
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		208.800.470.351	208.386.826.877
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		188.420.925	186.222.750
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.5)	188.420.925	186.222.750
II. Tài sản cố định	220		203.906.077.552	203.916.617.187
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.9)	190.813.673.215	190.040.313.398
Nguyên giá	222		303.955.166.183	297.930.879.842
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(113.141.492.968)	(107.890.566.444)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.10)	13.092.404.337	13.876.303.789
Nguyên giá	228		14.209.136.320	14.985.776.729
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.116.731.983)	(1.109.472.940)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	(5.8)	2.138.065.515	1.290.732.168
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.138.065.515	1.290.732.168
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.567.906.359	2.993.254.772
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.11)	2.567.906.359	2.993.254.772
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		408.801.180.083	429.047.111.848

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		384.025.664.776	420.464.611.218
I. Nợ ngắn hạn	310		334.289.635.692	370.728.582.134
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.12)	18.506.963.437	27.220.738.418
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		346.350.600	410.365.715
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.13)	134.636.344	105.165.845
4. Phải trả người lao động	314	(5.14)	5.624.551.920	5.209.986.184
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.15)	73.721.730.944	74.345.293.216
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.16)	4.942.340.194	5.064.419.376
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.18)	230.197.813.410	256.905.687.014
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.17)	815.248.843	1.466.926.366
II. Nợ dài hạn	330		49.736.029.084	49.736.029.084
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.18)	49.736.029.084	49.736.029.084
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24.775.515.307	8.582.500.630
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.19.1)	24.775.515.307	8.582.500.630
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.19.2)	97.485.790.000	97.485.790.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.569.156.929	4.569.156.929
3. Cổ phiếu quỹ	415		(18.676.666.000)	(18.676.666.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		209.729.341	430.569.377
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(5.19.5)	(51.709.049.582)	(68.122.904.295)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(68.604.979.164)	(68.122.904.295)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.895.929.582	
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(7.103.445.381)	(7.103.445.381)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		408.801.180.082	429.047.111.848



BÙI NGUYỄN KHÁNH
Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 02 tháng 03 năm 2017

NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG
Kế toán trưởng

TRẦN TRỌNG TÀI
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8,
Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		548.242.033.861	590.157.914.920
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		128.294.550	11.934.318.992
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	548.113.739.311	578.223.595.928
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	489.617.950.870	504.652.096.150
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.495.788.441	73.571.499.778
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	2.106.368.381	3.145.344.649
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	11.821.239.891	17.990.842.151
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		11.212.197.736	12.908.513.725
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	(6.5)	23.465.193.497	23.808.370.545
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	11.308.785.723	10.458.368.930
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.006.937.711	24.459.262.801
12. Thu nhập khác	31	(6.7)	3.740.336.967	3.251.588.721
13. Chi phí khác	32	(6.8)	750.195.431	956.344.307
14. Lợi nhuận khác	40		2.990.141.536	2.295.244.414
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.997.079.247	26.754.507.215
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.10)	101.149.665	140.940.711
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.895.929.582	26.613.566.504
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		16.895.929.582	26.613.566.504
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.19.4)	1.799	2.857
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.19.4)	1.799	2.857



BÙI NGUYỄN KHÁNH
Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 02 tháng 03 năm 2017

NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG
Kế toán trưởng

TRẦN TRỌNG TÀI
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.997.079.247	26.754.507.215
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		5.861.915.460	6.325.420.542
Các khoản dự phòng	03	(6.6)	61.000.000	(10.329.921)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(6.4)	75.015.263	(234.844.851)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.065.394.881)	(761.577.242)
Chi phí lãi vay	06	(6.4)	11.212.197.736	12.908.513.725
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		32.141.812.825	44.981.689.468
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.573.926.427	4.484.106.333
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		21.435.483.899	(13.907.412.740)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(8.425.995.564)	8.185.963.475
Tăng giảm chi phí trả trước	12		418.769.915	107.078.078
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.212.197.736)	(12.908.513.725)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(84.000.000)	(30.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(526.357.000)	(647.425.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.321.442.766	30.265.485.889
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.508.487.973)	(5.598.822.849)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.604.136.000	280.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.831.808	608.220.854
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.901.520.165)	(4.710.601.995)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8,
Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		821.710.471.828	926.887.480.785
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(848.535.740.432)	(953.695.068.628)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.825.268.604)	(26.807.587.843)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		4.594.653.997	(1.252.703.949)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.236.948.460	5.663.406.763
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(47.325.109)	(173.754.354)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	(5.1)	8.784.277.347	4.236.948.460



BÙI NGUYỄN KHÁNH
Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 02 tháng 03 năm 2017

NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG
Kế toán trưởng

TRẦN TRỌNG TÀI
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 613000035 ngày 21 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 04 năm 2014 với mã số doanh nghiệp: 2000105020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 97.485.790.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty chứng khoán Bảo Việt	9.750.000.000	10,00%	9.750.000.000	10,00%
Ông Bùi Vinh Hoàng Chương	10.825.000.000	11,10%	10.825.000.000	11,10%
Ông Bùi Nguyễn Khánh	7.800.000.000	8,00%	7.800.000.000	8,00%
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	6.000.000.000	6,15%	6.000.000.000	6,15%
Ông Huỳnh Nhật Vũ	5.704.570.000	5,85%	5.704.570.000	5,85%
Bà Bùi Phan Hoàng Anh	6.778.540.000	6,95%	6.778.540.000	6,95%
Các cổ đông khác	44.599.160.000	45,77%	44.599.160.000	45,77%
Cổ phiếu quỹ	6.028.520.000	6,18%	6.028.520.000	6,18%
Cộng	97.485.790.000	100,00%	97.485.790.000	100,00%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn).

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

Tên	Địa chỉ
Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới	Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi	Khóm 4, Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau
Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc	Khu vực 4, Thị trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời, Tỉnh Cà Mau
Trạm thu mua hàng thủy sản Đầm Dơi II	Ấp Vàm Đầm, Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 672 (31/12/2015: 864).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đầu;
- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Tập đoàn

Vào đầu năm 2016, Tập đoàn được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 02 công ty con trực tiếp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.6. Các công ty con được hợp nhất****Các công ty con trực tiếp**

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước	Tổ 5, Ấp Thanh Thủy, Xã An Phước, Huyện Mang Thít, Tỉnh Vĩnh Long	75,00%	83,05%
2.	Seaprimexco, USA, INC	200 S. San Pedro, Suite 200, Los Angeles, CA 90012 - 5306, Hoa Kỳ	100,00%	100,00%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Giả định về tính hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng nợ phải trả ngắn hạn của Tập đoàn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 134.288.925.960 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn phụ thuộc vào các hoạt động có lãi và việc tiếp tục tài trợ, hỗ trợ của các chủ đầu tư, ngân hàng và khách hàng trong tương lai. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016, Tổng Giám đốc Tập đoàn tin rằng Tập đoàn vẫn hoạt động liên tục trong tương lai do tình hình kinh doanh của Tập đoàn đến nay vẫn đang tiến triển tốt, các nguồn vốn vay vẫn được Ngân hàng giải ngân cũng như thanh toán các khoản nợ đến hạn cho Ngân hàng bình thường. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Tập đoàn tiếp tục hoạt động liên tục.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ngoại tệ

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua/bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.5. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2016</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 20 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 15 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 09 năm

4.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Khóm 7, Phường 8, Thành phố Cà Mau và tại Ấp Thanh Thủy, Xã An Phước, Huyện Mang Thít, Tỉnh Vĩnh Long.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 08 năm.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa và chi phí khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ dần từ 02 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả như cước tàu phải trả, tiền thuê kho,... do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.13. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho từng năm.

4.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

4.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

4.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí vật liệu, bao bì; chi phí cước tàu, vận chuyển; chi phí hàng mẫu cho khách hàng; chi phí ngân hàng; chi phí xuất hàng; chi phí vận chuyển, bốc xếp; chi phí hoa hồng và chi phí bằng tiền khác (chi phí thuê kho,...).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí quảng cáo, tiếp thị; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp; thuế, phí và lệ phí; chi phí dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

4.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Đối với XI nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi, bổ sung Khoản 1a, Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013, XI nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới hoạt động ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nên thuế suất thuế TNDN là 10% trong suốt thời gian hoạt động.

Đối với XI nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi và Sông Đốc

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điểm e, Khoản 3, Điều 19 Thông tư 78/2014/TT-BTC và Nghị định 218/2013/NĐ-CP, XI nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi và Sông Đốc hoạt động ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế TNDN.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

▪ Xuất khẩu	0%
▪ Tôm, cá tươi đông lạnh ở khâu kinh doanh thương mại	5%
▪ Các hàng hóa, dịch vụ khác	10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.23. Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8,
Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	176.490.541	676.340.074
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.607.786.806	3.560.608.386
Cộng	<u>8.784.277.347</u>	<u>4.236.948.460</u>

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,5%/năm.

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Premier Marine Canada INC.	6.217.613.175	29.718.970.556
Mazzetta LLC	6.871.037.635	-
National Fish & Seafood LTD	3.393.621.000	-
Blue Sea Products L.L.C	-	2.633.385.000
Các khách hàng khác	17.246.286.145	6.406.603.055
Cộng	<u>33.728.557.955</u>	<u>38.758.958.611</u>

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Rcma Asia Pte LTD	705.966.000	-
Công ty Cổ phần Prince Residence	-	2.338.634.604
Công ty TNHH Anh Phát	253.000.000	462.000.000
Công ty TNHH MTV Thiết Kế - Giám Sát - XD Hưng Long	200.000.000	169.000.000
Các người bán khác	583.525.231	136.517.113
Cộng	<u>1.742.491.231</u>	<u>3.106.151.717</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	477.074.100	-	183.459.089	-
Lãi dự thu tiền gửi	61.388.889	-	-	-
Thuế GTGT hàng tạm nhập, tái xuất	31.441.589	-	298.671.905	-
Phải thu khác của An Phước theo các biên bản giải quyết việc thi hành án	2.017.371.500	-	2.017.371.500	-
Phải thu khác	757.200.823	-	1.304.577.180	-
Cộng	3.344.476.901	-	3.804.079.674	-
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược	188.420.925	-	186.222.750	-
Cộng	188.420.925	-	186.222.750	-

5.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán quá hạn thanh toán	1.158.652.039	-	1.097.652.039	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu, trả trước người bán quá hạn là thấp vì những khoản nợ này là của các đối tượng đã quá hạn thanh toán. Những khoản nợ này đã được công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đầy đủ.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, trả trước người bán quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Fotouri GMHB	546.903.261	-	Trên 3 năm	546.903.261	-	Trên 3 năm
Cty Nha Trang Seafood	238.961.792	-	Trên 3 năm	238.961.792	-	Trên 3 năm
Đối tượng khác	372.786.986	-	Trên 3 năm	311.786.986	-	Trên 3 năm
Cộng	1.158.652.039	-		1.097.652.039	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.048.534.975	-	3.217.549.723	-
Công cụ, dụng cụ	1.123.593.012	-	1.374.677.129	-
Thành phẩm	142.456.398.640	-	165.018.802.570	-
Cộng	147.628.526.627	-	169.611.029.422	-

5.8. Tài sản dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:		
Công trình nhà nghỉ giữa ca XI nghiệp Sông Đốc	1.426.858.182	-
Nhà tập thể công nhân XI nghiệp Mặt hàng mới	383.643.392	-
Đầu tư hệ thống lạnh băng chuyền hấp	-	1.152.718.182
Khác	327.563.941	138.013.986
Cộng	2.138.065.515	1.290.732.168

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÁ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8,
Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.9. Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định hữu hình khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:												
Tại ngày 01/01/2016	107.931.007.111	175.398.120.191	9.862.355.081	129.453.916	4.609.943.543	297.930.879.842						
Mua trong năm	-	520.037.806	-	-	255.176.000	775.213.806						
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.508.678.891	3.332.522.863	955.609.091	-	-	6.796.810.845						
Thanh lý, nhượng bán	-	(691.482.079)	(809.080.000)	-	(48.562.864)	(1.549.124.943)						
Tặng khác	-	-	-	-	1.386.633	1.386.633						
Tại ngày 31/12/2016	110.439.686.002	178.559.198.781	10.008.884.172	129.453.916	4.817.943.312	303.955.166.183						
Giá trị hao mòn lũy kế:												
Tại ngày 01/01/2016	23.125.169.164	76.465.588.540	6.339.881.560	129.453.916	1.830.473.264	107.890.566.444						
Khấu hao trong năm	2.100.755.137	4.052.796.844	246.668.547	-	61.831.281	6.462.051.809						
Thanh lý, nhượng bán	-	(638.047.080)	(525.901.974)	-	(48.562.864)	(1.212.511.918)						
Tặng khác	-	-	-	-	1.386.633	1.386.633						
Tại ngày 31/12/2016	25.225.924.301	79.880.338.304	6.060.648.133	129.453.916	1.845.128.314	113.141.492.968						
Giá trị còn lại:												
Tại ngày 01/01/2016	84.805.837.947	98.932.531.651	3.522.473.521	-	2.779.470.279	190.040.313.398						
Tại ngày 31/12/2016	85.213.761.701	98.678.860.477	3.948.236.039	-	2.972.814.998	190.813.673.215						

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty và Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm mục 5.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 35.918.611.732 VND.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang chờ thanh lý là 149.265.100.481 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2016	14.863.224.729	122.552.000	14.985.776.729
Đầu tư XDCB hoàn thành	395.947.886	-	395.947.886
Thanh lý, nhượng bán	(1.172.588.295)	-	(1.172.588.295)
Tại ngày 31/12/2016	14.086.584.320	122.552.000	14.209.136.320
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2016	986.920.940	122.552.000	1.109.472.940
Khấu hao trong năm	7.259.043	-	7.259.043
Tại ngày 31/12/2016	994.179.983	122.552.000	1.116.731.983
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2016	13.876.303.789	-	13.876.303.789
Tại ngày 31/12/2016	13.092.404.337	-	13.092.404.337

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 122.552.000 VND.

5.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ	141.780.834	72.605.893
Các khoản khác	410.202.543	361.670.997
Cộng	551.983.377	434.276.890
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ	998.061.859	1.603.184.345
Chi phí sửa chữa tài sản	1.569.844.500	1.390.070.427
Cộng	2.567.906.359	2.993.254.772

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
DNTN Thủy Sản Ngọc Nguyên	3.123.620.387	3.123.620.387	2.761.951.496	2.761.951.496
GLOBO FOODS LTD	1.551.154.040	1.551.154.040	-	-
Công ty TNHH TM&DV Ngân Phúc	1.425.028.000	1.425.028.000	2.771.296.000	2.771.296.000
DNTN Toàn Tươi	545.631.400	545.631.400	3.912.101.700	3.912.101.700
Phải trả cho các đối tượng khác	11.861.529.610	11.861.529.610	17.775.389.222	17.775.389.222
Cộng	18.506.963.437	18.506.963.437	27.220.738.418	27.220.738.418

5.13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016 VND	Số được khấu trừ VND	Số phải nộp VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.794.230.086	2.639.335.473	(1.054.517.227)	3.379.048.332

	Tại ngày 01/01/2016 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2016 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.262.150	-	101.149.665	(84.000.000)	-	4.887.515
Thuế thu nhập cá nhân	-	94.366.102	145.973.031	(130.479.218)	-	109.859.915
Các loại thuế khác	-	10.799.743	604.515.120	(595.425.949)	-	19.888.914
Cộng	12.262.150	105.165.845	851.637.816	(809.905.167)	-	134.636.344

5.14. Phải trả người lao động

Là lương tháng 12 năm 2016 còn phải trả người lao động.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Chi phí lãi vay	71.560.168.842	71.560.168.842
Cước tàu phải trả	589.504.704	1.597.060.848
Tiền thuê kho	1.157.015.991	509.270.967
Chi phí phải trả khác	415.041.407	678.792.559
Cộng	73.721.730.944	74.345.293.216

Chi phí lãi vay là khoản lãi vay phải trả của Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước - Công ty con và khoản này tính đến ngày 31/12/2014 mà công ty con còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (SCB) đã được bán lại cho Công ty Quản lý Tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) - Xem thêm mục 5.18.

5.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả khác tiền thu từ hoạt động xe tải	74.344.656	184.247.276
Phải trả Công ty TNHH MTV Nam mỹ	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.867.995.538	3.880.172.100
Cộng	4.942.340.194	5.064.419.376

5.17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Quỹ khen thưởng	367.970.044	463.660.175
Quỹ phúc lợi	226.030.555	174.622.555
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	165.235.624	772.631.016
Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành Công ty	56.012.620	56.012.620
Cộng	815.248.843	1.466.926.366

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU
 Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8,
 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.18. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		Trong năm		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hạn:						
Công ty mẹ:						
Vay ngân hàng bằng VND	133.567.708.359	133.567.708.359	477.406.460.931	(483.862.645.535)	140.023.892.963	140.023.892.963
Vay cá nhân bằng VND	2.100.000.000	2.100.000.000	400.000.000	(2.450.000.000)	4.150.000.000	4.150.000.000
Vay ngân hàng bằng USD	20.360.676.000	20.360.676.000	343.904.010.897	(362.105.699.897)	38.562.365.000	38.562.365.000
Công ty Cổ phần Thủy Sản An Phước - Công ty con:						
Vay ngân hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn bằng VND	24.326.206.130	24.326.206.130	-	-	24.326.206.130	24.326.206.130
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn	49.843.222.921	49.843.222.921	-	-	49.843.222.921	49.843.222.921
Cộng	230.197.813.410	230.197.813.410	821.710.471.828	(848.418.345.432)	256.905.687.014	256.905.687.014
Dài hạn - Công ty Cổ phần Thủy Sản An Phước - Công ty con:						
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn bằng VND	49.736.029.084	49.736.029.084	-	-	49.736.029.084	49.736.029.084
Cộng	49.736.029.084	49.736.029.084	-	-	49.736.029.084	49.736.029.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vay ngắn hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 7%/năm đến 33%/năm đối với các khoản vay bằng VND và lãi vay từ 4%/năm đến 12,45%/năm đối với khoản vay bằng USD. Các khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định của Tập đoàn - Xem thêm mục 5.9.

Vay ngắn hạn cá nhân là các khoản vay có thời hạn 3 tháng, lãi suất 8%/năm. Trong đó, vay bên liên quan là 1.100.000.000 VND - Xem thêm mục 8.

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 5 năm đến 7 năm, với lãi suất từ 10,5% đến 31,5%/năm. Các khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định của Tập đoàn - Xem thêm mục 5.9.

Theo thông báo số 615/TB-SCB-CNVL.14 ngày 25 tháng 09 năm 2014, Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn - Chi nhánh Vĩnh Long (SCB) đã bán khoản nợ vay quá hạn và lãi vay quá hạn của Công ty Thủy sản An Phước cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC). Theo đó, SCB được ủy quyền thay mặt VAMC thực hiện việc xử lý và thu hồi khoản nợ vay quá hạn của Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước.

(Xem tiếp trang sau)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.19. Vốn chủ sở hữu

5.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2015	97.485.790.000	4.569.156.929	(18.676.666.000)	350.936.037	(7.103.445.381)	(94.065.230.801)	(17.439.459.216)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	26.613.566.504	26.613.566.504
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo công ty con ở nước ngoài	-	-	-	79.633.340	-	-	79.633.340
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(116.000.000)	(116.000.000)
Thuế TNDN bổ sung năm 2014	-	-	-	-	-	(555.239.998)	(555.239.998)
Tại ngày 01/01/2016	97.485.790.000	4.569.156.929	(18.676.666.000)	430.569.377	(7.103.445.381)	(68.122.904.295)	8.582.500.630
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	16.895.929.582	16.895.929.582
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo công ty con ở nước ngoài	-	-	-	(220.840.036)	-	-	(220.840.036)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(482.074.869)	(482.074.869)
Tại ngày 31/12/2016	97.485.790.000	4.569.156.929	(18.676.666.000)	209.729.341	(7.103.445.381)	(51.709.049.582)	24.775.515.307

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty chứng khoán Bảo Việt	9.750.000.000	9.750.000.000
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	10.825.000.000	10.825.000.000
Ông Bùi Nguyên Khánh	7.800.000.000	7.800.000.000
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	6.000.000.000	6.000.000.000
Ông Huỳnh Nhật Vũ	5.704.570.000	5.704.570.000
Bà Bùi Phan Hoàng Anh	6.778.540.000	6.778.540.000
Các cổ đông khác	44.599.160.000	44.599.160.000
Cổ phiếu quỹ	6.028.520.000	6.028.520.000
Cộng	<u>97.485.790.000</u>	<u>97.485.790.000</u>

5.19.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.748.579	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.748.579	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	602.852	602.852
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.145.727	9.145.727

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.19.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.895.929.582	26.613.566.504
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(441.686.604)	(482.074.869)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>16.454.242.978</u>	<u>26.131.491.635</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	9.145.727	9.145.727
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.799</u>	<u>2.857</u>

5.19.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu năm	(68.122.904.295)	(94.065.230.801)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	16.895.929.582	26.613.566.504
Trích lập quỹ	(482.074.869)	(116.000.000)
Thuế TNDN bổ sung 2014	-	(555.239.998)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	<u>(51.709.049.582)</u>	<u>(68.122.904.295)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm được chi tiết như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Lợi nhuận lũy kế Công ty mẹ	3.523.685.700	1.901.952.626
Phần lỗ lũy kế Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước phân bổ	(109.798.066.858)	(109.798.066.858)
Phần lỗ lũy kế Seaprimexco, USA. INC phân bổ	(6.524.990.124)	(6.524.990.124)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào An Phước	57.000.000.000	45.000.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khác từ An Phước	4.404.740.400	2.202.370.200
Lãi nội bộ trong tài sản cố định	(314.418.700)	(904.170.139)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	<u>(51.709.049.582)</u>	<u>(68.122.904.295)</u>

5.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	348.598,03	142.016,03
EUR	-	13,54

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Doanh thu xuất khẩu	516.605.156.952	558.370.213.871
Doanh thu tiêu thụ nội địa	30.384.454.478	30.137.967.941
Doanh thu bán vật tư	1.252.422.431	1.649.733.108
Các khoản giảm trừ doanh thu	(128.294.550)	(11.934.318.992)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>548.113.739.311</u>	<u>578.223.595.928</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	488.312.597.863	503.094.610.499
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.305.353.007	1.557.485.651
Cộng	<u>489.617.950.870</u>	<u>504.652.096.150</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	64.220.697	153.029.038
Lãi thu từ đầu tư hoạt động xe tải	381.326.149	455.191.816
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.660.821.535	2.302.278.944
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	234.844.851
Cộng	<u>2.106.368.381</u>	<u>3.145.344.649</u>

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	11.212.197.736	12.908.513.725
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	534.026.892	5.082.328.426
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	75.015.263	-
Cộng	<u>11.821.239.891</u>	<u>17.990.842.151</u>

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí vật liệu, bao bì	109.360.000	703.480.219
Chi phí cước tàu, vận chuyển	9.817.728.476	10.420.252.763
Chi phí hàng mẫu cho khách hàng	83.719.813	64.325.532
Chi phí ngân hàng	2.125.525.807	1.498.812.677
Chi phí xuất hàng	1.025.924.796	1.261.949.112
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	2.326.248.988	2.749.471.368
Chi phí hoa hồng	1.165.899.642	1.193.944.785
Chi phí bằng tiền khác	6.810.785.975	5.916.134.089
<i>Chi phí thuê kho</i>	3.464.153.179	2.822.263.584
<i>Chi phí khác</i>	3.346.632.796	3.093.870.505
Cộng	<u>23.465.193.497</u>	<u>23.808.370.545</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.347.218.672	4.602.021.897
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	1.224.506.427	859.451.680
Chi phí đồ dùng văn phòng	199.352.501	189.594.933
Chi phí khấu hao tài sản cố định	329.080.494	241.604.131
Thuế, phí và lệ phí	720.780.716	253.102.304
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	61.000.000	(10.329.921)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	510.601.435	608.157.697
Chi phí bằng tiền khác	1.916.245.478	3.714.766.209
Cộng	<u>11.308.785.723</u>	<u>10.458.368.930</u>

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.001.174.184	153.356.388
Thu tiền bán vật tư, phế liệu, đầu vỏ tôm	1.090.459.600	1.446.499.864
Thu nhập do xử lý hàng thừa sau kiểm kê	131.953.724	1.028.028.848
Thu nhập khác	516.749.459	623.703.621
Cộng	<u>3.740.336.967</u>	<u>3.251.588.721</u>

6.8. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền phạt môi trường, truy thu thuế	-	159.452.082
Giá vốn đầu vỏ tôm mua ngoài	344.490.006	319.952.246
Các khoản chi phí khác	405.705.425	476.939.979
Cộng	<u>750.195.431</u>	<u>956.344.307</u>

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	455.732.166.498	459.770.628.123
Chi phí nhân công	50.260.442.657	50.283.322.289
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.861.915.460	6.325.420.542
Chi phí dự phòng	61.000.000	(10.329.921)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.114.255.742	17.462.420.829
Chi phí khác bằng tiền	17.964.344.939	18.604.016.421
Cộng	<u>546.994.125.296</u>	<u>552.435.478.283</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	101.149.665	140.940.711
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>101.149.665</u>	<u>140.940.711</u>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của công ty mẹ	2.204.957.608	2.071.315.059
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	208.686.951	563.710.745
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(161.369.679)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	2.252.274.880	2.635.025.804
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	450.454.976	579.705.677
Trừ: Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	(225.227.488)	(316.203.097)
Trừ: Thuế TNDN được miễn, giảm	(124.077.823)	(122.561.869)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>101.149.665</u>	<u>140.940.711</u>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như các khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu có gốc ngoại tệ.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế là lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu có gốc ngoại tệ theo quy định của Luật thuế TNDN.

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc Tập đoàn, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn cung cấp, hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong năm của Tập đoàn chủ yếu là từ hoạt động sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Tỉnh Cà Mau, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước | Công ty con |
| 2. Seaprimexco, USA, INC | Công ty con |
| 3. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Phải trả:		
Ông Tô Tấn Hoài - Xem thêm mục 5.18	(1.100.000.000)	(1.350.000.000)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Thù lao Hội đồng quản trị	168.000.000	168.000.000
Lương Ban Tổng Giám đốc	744.734.000	615.252.672
Cộng	<u>912.734.000</u>	<u>783.252.672</u>

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	54.000.000	54.000.000

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	<u>Năm 2015 VND (Được báo cáo lại)</u>	<u>Năm 2015 VND (Đã được báo cáo trước đây)</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.857	2.910

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)


12. THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước - Công ty con đã ngừng hoạt động và đang thực hiện thủ tục phá sản theo Quyết định mở thủ tục phá sản số 01/2014/PS-TBTA của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ngày 17 tháng 11 năm 2014. Trong năm 2016, Quản tài viên đã ra các thông báo về việc liên hệ mua tài sản không đảm bảo của Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước cũng như đã triển khai ký hợp đồng chuyển nhượng nhà máy chế biến thủy sản An Phước (là tài sản đảm bảo, thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Vĩnh Long - xem thêm mục 5.18).

Seaprimexco, USA.INC - Công ty con do điều kiện hoạt động kinh tế khó khăn nên đã ngừng hoạt động từ ngày 01 tháng 09 năm 2010.




BÙI NGUYÊN KHÁNH
Tổng Giám đốc


NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG
Kế toán trưởng


TRẦN TRỌNG TÀI
Người lập

Cà Mau, ngày 02 tháng 03 năm 2017

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

Ha Noi Office
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +844 3795 5353
F +844 3795 5252

Central Office
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 511 363 3334
F +84 511 363 3334

